

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà;

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022, về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1980; có mặt.

2. Bị đơn: chị Thái Thị T - sinh năm 1983; có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và chị Thái Thị T là hàng xóm với nhau, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Ngày 26/6/2022, chị T đến nhà chị hỏi vay nóng 498.000.000 đồng với mục đích để trả tiền mua máy gặt lúa, đồng thời hẹn sẽ trả lại số tiền vay này vào sáng ngày 27/6/2022, vì là hàng xóm thân thiết nên chị đồng ý cho chị T vay số tiền nêu trên. Khi cho chị T vay tiền không có mặt anh T chồng chị T, việc chị T có nói với chồng về việc vay nợ hay không thì chị không biết. Sáng ngày 27/6/2022 chị T đã trả được cho chị 100.000.000 đồng; tiếp đến tối ngày

11/7/2022 chị T đã trả cho chị 200.000.000 đồng, như vậy chị T đã trả được cho chị 300.000.000 đồng trong khoản tiền 498.000.000 đồng đã vay; đồng thời cũng trong tối ngày 11/7/2022 chị T đã viết một đơn cam kết vay nợ thể hiện còn nợ lại chị số tiền là 198.000.000 đồng và cam kết sẽ trả 198.000.000 đồng trước ngày 30/7/2022 nếu không trả sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên đến ngày 30/7/2022 chị T không thực hiện đúng như nội dung đã cam kết. Ngày 25/9/2022 chị đến nhà chị T yêu cầu chị T trả cho chị số nợ còn thiếu (198.000.000 đồng) thì chị T trả lời khi nào có em trả. Tuy nhiên đến nay (07/02/2023) chị T không thực hiện nội dung đã cam kết là trả cho chị số tiền còn nợ (198.000.000 đồng). Do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm buộc chị Thái Thị T phải trả cho chị số nợ còn thiếu là 198.000.000 đồng. Chị không yêu cầu chị T phải trả lãi cho khoản vay này.

- Về án phí: chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2022, biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn - chị Thái Thị T trình bày:

- Chị nhất trí nội dung mà chị Nguyễn Thị T trình bày. Lý do chị vay tiền của chị T là để giải quyết việc cá nhân, sau khi vay tiền của chị T chị đã bị lừa hết số tiền vay (bị lừa qua mạng xã hội). Trong tổng số tiền chị vay của chị T chị đã trả được cho chị T 300.000.000 đồng, hiện tại chị còn nợ chị T số tiền 198.000.000 đồng là chính xác. Chồng chị anh Trần Văn T không liên quan đến khoản tiền chị đã vay của chị T, khi nhận tiền vay từ chị T không có mặt chồng chị, khi vay được tiền chị cũng không nói cho chồng chị biết, số tiền vay này chị không chi tiêu vào việc chung của gia đình, không mua máy gặt lúa như đã ghi trong giấy vay nợ mà là chi tiêu cá nhân (mua bán qua mạng xã hội và bị lừa hết) chỉ đến khi chị mất khả năng thanh toán thì chồng chị mới biết. Khi vay tiền của chị T chị hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối hay ép buộc. Hiện hoàn cảnh kinh tế của chị đang gặp khó khăn vì vậy chị đề nghị chị T xem xét cho chị trả 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi hết khoản nợ trên. Nếu chị T không nhất trí thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2022 Anh Trần Văn T trình bày:

Anh là chồng chị Thái Thị T, việc vợ anh vay tiền của chị Nguyễn Thị T thì anh hoàn toàn không biết và cũng không thấy chị T nói gì với anh, anh hoàn toàn không liên quan đến khoản nợ này.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm buộc chị Thái Thị T phải trả cho chị số tiền còn nợ là 198.000.000 đồng, chị không yêu cầu chị T phải trả tiền lãi đối với khoản nợ này.

- Bị đơn chị Thái Thị T xác định chị còn nợ chị T số tiền 198.000.000 đồng, như chị T trình bày là chính xác, việc chị vay tiền của chị T là hoàn toàn tự nguyện không bị lừa dối hay ép buộc, chị giữ nguyên các quan điểm như đã trình bày ở trên và khẳng định việc vay tiền của chị T là do một mình chị vay, khoản vay này không chi dùng vào việc gia đình, anh T chồng chị cũng không biết việc chị vay nợ, không liên quan đến khoản nợ này. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị trả nợ thì chị xác định đây là khoản nợ riêng của chị với chị T và có trách nhiệm trả cho chị T khoản nợ trên.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án và phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.
- Buộc chị Thái Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 198.000.000 đồng.
- Chị Thái Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, nên đây là loại án tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, chị Thái Thị T cư trú tại thôn K, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Về người tham gia tố tụng: tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã đưa anh Trần Văn T sinh năm 1979 (chồng chị T) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa

cả nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định anh Trần Văn T không liên quan đến khoản nợ mà chị T đã vay của chị T. Chị T khẳng định vay tiền của chị T là để chi tiêu cá nhân không dùng khoản vay này vào việc chi dùng cho gia đình, chị T chỉ yêu cầu một mình chị T trả nợ. Do vậy anh Trần Văn T không được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ngày 26/6/2022, chị Thái Thị T có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 498.000.000 đồng. Trong các ngày 27/6/2022 và 11/7/2022 chị T đã trả được cho chị T tổng cộng 300.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 198.000.000 đồng, được thể hiện tại đơn cam kết vay nợ đề ngày 11/7/2022, theo đó chị T cam kết sẽ trả cho chị T 198.000.000 đồng trước ngày 30/7/2022. Hội đồng xét xử thấy rằng khi viết đơn cam kết vay nợ này chị T hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, việc chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị T phải có nghĩa vụ trả nợ khoản tiền 198.000.000 đồng cho chị T. Do chị T không yêu cầu lãi xuất đối với khoản vay này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận vì vậy chị Thái Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả.

- Số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm nay được trả lại.

Về quyền kháng cáo các đương sự được hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 116, 117, 278, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

2. Buộc chị Thái Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền còn nợ là 198.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Thái Thị T phải nộp 9.900.000 đồng, (chín triệu chín trăm nghìn đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.950.000 đồng (bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001230 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh